

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2019/HNGĐ – ST
Ngày 26-7- 2019.
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Mút.

Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST– HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1354/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/QĐST – HNGĐ ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1977. Địa chỉ: 15/6 ấp TTT, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1976. Địa chỉ: 31/4 ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Vào năm 2001 chị và anh Nguyễn Hoàng T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2002 anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/5/2002. Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Lộc T, sinh ngày 06/6/2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/10/2010; hiện nay hai con chung đang sống chung với chị. Chị và anh T không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do trong thời gian chung sống anh T thường xuyên chơi cờ bạc, gây nợ cho gia đình. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T không hạnh phúc, chị có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm

sóc cho nhau từ ngày 26/3/2019 cho đến nay. Do tình cảm giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T. Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lộc T, sinh ngày 06/6/2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/10/2010, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Hoàng T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: trong thời gian chung sống chị L, anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị L, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 31/4 ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[4] Về hôn nhân: chị Dương Thị L và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/05/2002. Vì vậy quan hệ hôn

nhân của chị L và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị L xin ly hôn với anh T là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy: Hiện nay chị L và anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải để chị L, anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị L, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp

[5] Về con chung: chị Dương Thị L và anh Nguyễn Hoàng T có 02 con chung tên Nguyễn Lộc T, sinh ngày 06/6/2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/10/2010. Xét thấy: từ khi chị L và anh T không còn sống chung thì con chung vẫn sống chung với chị L có cuộc sống ổn định và có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay con chung tên Nguyễn Lộc T và Nguyễn Trọng N có nguyện vọng sống chung với chị L. Do đó cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Dương Thị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị Dương Thị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình: chị Dương Thị L phải nộp án phí không có giá ngạch.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị L. Chị Dương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Chị Dương Thị L được trực tiếp hai nuôi con chung tên Nguyễn Lộc T, sinh ngày 06/6/2002 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/10/2010. Do chị Dương Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Hoàng T có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Dương Thị L và

anh Nguyễn Hoàng T có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung chị Dương Thị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Dương Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0001656 ngày 26/3/2019 và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện;
Thạnh Phú;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ PHÊ

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

